

Số: 12 /2023/TT-BYT

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT



ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 2 như sau:

“3. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở sản xuất, kinh doanh) triển khai hoặc tham gia vào dự án dược liệu quý hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, trước hết tập trung ưu tiên cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn triển khai dự án (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ), có cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ dược liệu của các dự án trên.”

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Là huyện có xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.”

b) Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Có điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp để phát triển các loại dược liệu quý có giá trị y tế và kinh tế cao.”

3. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Điều 7. Diện tích triển khai dự án dược liệu quý

1. Tổng diện tích các khu vực triển khai dự án vùng trồng dược liệu quý tối thiểu là 210 ha, không nhất thiết liền thửa bao gồm: các vùng nuôi trồng dược liệu, khu vực nhà xưởng, cơ sở bảo quản, cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước trong phạm vi, quy mô dự án. Ưu tiên hỗ trợ dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý có ứng dụng công nghệ cao.

2. Tổng diện tích các khu vực triển khai dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao tối thiểu là 50 ha, không nhất thiết liền thửa bao gồm: khu vực bảo tồn, lưu giữ nguồn gen, cây đầu dòng, giống gốc, nghiên cứu chọn tạo, khảo nghiệm, sản xuất giống gốc, sản xuất giống thương phẩm, cơ sở hạ tầng, giao thông, điện,



nước trong phạm vi, quy mô dự án.”

4. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Đối tượng cây dược liệu quý

Việc lựa chọn cây dược liệu để triển khai thực hiện dự án dược liệu quý đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

1. Thuộc danh mục 100 cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao tại Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục 100 dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển giai đoạn 2020 - 2030.

2. Cây dược liệu bản địa đã được trồng thành hàng hóa tại địa phương có giá trị y tế và hiệu quả kinh tế cao và thuộc danh mục dược liệu quý, hiếm, đặc hữu theo quy định tại Thông tư số 16/2022/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục loài, chủng loại dược liệu quý, hiếm và đặc hữu phải kiểm soát.”

5. Sửa đổi điểm d khoản 3, khoản 5 Điều 12 như sau:

a) Điểm d khoản 3 Điều 12 được sửa đổi như sau:

“d) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở chế biến dược liệu quý, xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong phạm vi, quy mô dự án.”

b) Khoản 5 Điều 12 được sửa đổi như sau:

“5. Mức chi hỗ trợ cho các dự án dược liệu quý sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Mức chi hỗ trợ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.”

6. Bổ sung khoản 5 và khoản 6, Điều 14 như sau:

a) Bổ sung khoản 5 Điều 14 như sau:

“5. Đơn vị được Ủy ban ban nhân dân cấp tỉnh giao là chủ trì nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý có trách nhiệm:



a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành biểu mẫu sử dụng trong lựa chọn dự án, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo khoản 1, Điều 40, Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Chủ trì tổ chức thẩm định, lựa chọn dự án theo khoản 3 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Thực hiện các báo cáo theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Thực hiện công khai thông tin về dự án được liệu quý theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

đ) Thực hiện chức năng nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.”

b) Bổ sung khoản 6 Điều 14 như sau:

“6. Cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm:

a) Ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án theo Quyết định phê duyệt dự án của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở thuyết minh dự án đã được Hội thẩm định dự án thông qua.

b) Thực hiện quyết toán, thanh toán, giải ngân vốn ngân sách nhà nước theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định và hợp đồng ký kết với đơn vị chủ trì liên kết.

c) Thực hiện công khai thông tin về dự án được liệu quý theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.



d) Kiểm tra, giám sát kết quả, triển khai, thực hiện dự án.”

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp và tham chiếu

1. Đối với những nội dung, dự án đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 hoặc thực hiện các thủ tục điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản đã được thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung đó.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

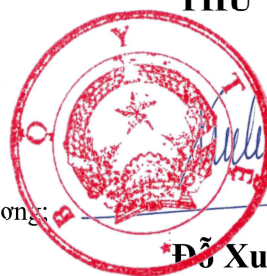
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính Phủ (để b/c);
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (công báo, công TTĐTCTP);
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Tổng cục;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Dược liệu;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Hiệp hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam;
- Hội Dược liệu Việt Nam;
- Trung ương Hội Đông y Việt Nam;
- Công TTĐT Bộ Y tế, Trang TTĐT Cục QL YDCT;
- Lưu: VT, PC, YDCT (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



***Đỗ Xuân Tuyên**